

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HS-ST

Ngày: 01/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Bảo Trân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lữ Khắc Hồi.

Bà Trần Thị Sang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2025/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Chúc G, sinh ngày 27/11/1984, Nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Kinh doanh, môi giới bất động sản; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Nguyễn Văn M, sinh năm 1958; Họ tên mẹ: Trần Thị L, sinh năm 1960; Anh chị em ruột 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1987; Chưa vợ con; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/9/2024 đến nay tại ấp Ngã Tư, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Anh Lê Văn B, sinh ngày 07/7/1981 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp N, xã HA, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Đoàn Ngọc T, sinh ngày 22/9/1982 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lê Văn B sinh ngày 07/7/1981 nơi cư trú ấp N, xã HA, huyện T, tỉnh Trà Vinh và bị cáo Nguyễn Chúc G sinh ngày 27/11/1984 nơi cư trú ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có mối quan hệ quen biết với nhau do cùng làm chung nghề môi giới đất đai. Do cần tiền nên vào khoảng 17 giờ ngày 08/02/2024, bị cáo G đến nhà anh B vay nhưng anh B không đồng ý nên G thỏa thuận với anh B là sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 35 tờ bản đồ số 49 diện tích 127,1m² tọa lạc khóm 10, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do G đứng tên quyền sử dụng đất, với số tiền chuyển nhượng là 250.000.000 đồng, anh B đồng ý vì anh B biết thửa đất trên do G đứng tên. G viết hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng là 150.000.000 đồng đến ngày 08/3/2024 sẽ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng chính thức, anh B sẽ giao cho G tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi lập hợp đồng, anh B đã chuyển khoản cho G 100.000.000 đồng, G đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất cho anh B. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G đưa cho anh B là giả, do Gian đặt mua trên mạng facebook (G không nhớ địa chỉ). Thực tế, G không còn quyền sử dụng đối với thửa đất trên vì vào ngày 27/11/2023 G đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trung T1 sinh ngày 29/11/1979 nơi cư trú khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Khi đến thời hạn theo thỏa thuận anh B nhiều lần liên hệ với G để thực hiện theo hợp đồng thì G không thực hiện mà đưa ra nhiều lý do để trì hoãn. Anh B nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà G đưa là giả nên anh B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để trình báo và giao nộp: 01 Hợp đồng đặt cọc (bản chính); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 777115, số vào sổ cấp GCN: CS 17814, diện tích 127,1m² đứng tên Nguyễn Chúc G do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 14/10/2021 (Bản chính). Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo Nguyễn Chúc G đã khai nhận toàn bộ hành vi.

Tại Kết luận giám định số: 325/KL-KTHS ngày 09/07/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 777115, số vào sổ cấp GCN: CS 17814 diện tích 127,1m² đứng tên Nguyễn Chúc G sinh năm 1984, địa chỉ thường trú ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 14/10/2021 là giả. Không cắt, ghép, dán, chỉnh sửa, tẩy xóa.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Chúc G đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Lê Văn B số tiền 99.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKS.HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Chúc G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật

Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Quan điểm của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Chúc G. Bị cáo G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 341; Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chúc G từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo G phải chấp hành là 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo G đã khắc phục một phần hậu quả với số tiền là 99.000.000 đồng, tại phiên tòa anh B và chị T có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho anh B và chị T số tiền 60.000.000 đồng, nên công nhận sự thỏa thuận này, buộc bị cáo bồi thường cho anh B và chị T số tiền 60.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Nguyễn Chúc G thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không tranh luận.

Bị cáo G nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Chúc G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ ngày 08/02/2024 tại nhà của anh Lê Văn B địa chỉ ấp N, xã HA, huyện T, tỉnh Trà Vinh, để nhận được tiền của anh B bị cáo Nguyễn Chúc G đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên Nguyễn Chúc G, đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khóm 10, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với diện tích 127,1m² để chuyển nhượng cho anh B với số tiền 250.000.000 đồng. G đã làm hợp đồng đặt cọc cho việc chuyển nhượng thửa đất trên với anh B với số tiền 150.000.000 đồng, anh B chuyển khoản tiền cho bị cáo G 150.000.000 đồng, sau đó bị cáo G tiêu xài hết.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Chúc G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố về tội danh và điều luật như nội dung cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

Đối với hành vi mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo G do G đặt mua trên mạng facebook và không nhớ được địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra xác minh đối tượng bán. Do đó, chưa xử lý được.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo G phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang lo sợ cho mọi người trong việc quản lý tài sản, không an tâm lao động, sinh hoạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc làm là vi phạm pháp luật, nhưng do tính tư lợi cá nhân, tham lam, ích kỷ, không muốn bỏ ra công sức lao động mà muốn hưởng thụ trên công sức của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để có sức răn đe, giáo dục và tính chấp hành nghiêm pháp luật cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo G thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh B và chị T yêu cầu bị cáo G bồi thường số tiền 60.000.000 đồng và bị cáo G đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Buộc bị cáo G phải bồi thường cho anh B và chị T số tiền 60.000.000 đồng.

[6] Về vật chứng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 777115, số vào sổ cấp GCN: CS 17814 tại thửa số 35 tờ bản đồ số 49 diện tích 127,1m² tọa lạc khóm 10, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đứng tên Nguyễn Chúc G sinh năm 1984, địa chỉ thường trú ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 14/10/2021. Hội đồng xét xử xét thấy đây là công cụ mà bị cáo G dùng để phạm tội và theo Kết luận giám định số: 325/KL-KTHS ngày 09/07/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, thì đây là giấy tờ giả nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo G phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chúc G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chúc G 03 (Ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chúc G 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Trúc G phải chấp hành là 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Chúc G bồi thường cho anh Lê Văn B và chị Đoàn Ngọc T số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 777115, số vào sổ cấp GCN: CS 17814 tại thửa số 35 tờ bản đồ số 49 diện tích 127,1m² tọa lạc khóm 10, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đứng tên Nguyễn Chúc G sinh năm 1984, địa chỉ thường trú ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 14/10/2021.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc bị cáo Nguyễn Chúc G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Phân trại TG KV Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trần Bảo Trân